

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-PT
Ngày: 08 - 5 - 2019
V/v Khiếu kiện quyết định xử lý vi
phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đông;
Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nguyên Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc “*Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 120 đường P, tổ 19 T, phường V, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N.

Địa chỉ: Số 422 đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần V.

Địa chỉ: 14 Đường N, phường V, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân T – Cán bộ Ban quản lý dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H.

Địa chỉ: 19B đường D, phường P, TP. N. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, nội dung vụ án như sau:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 14/7/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn T trình bày:*

Nguyên trước đây cha, mẹ ông T là ông Nguyễn L (chết năm 2017) và bà Bùi Thị H tạo lập diện tích đất 8.877m² tại khu vực Đài phát xạ, 120 đường P, T, phường V, thành phố N, tỉnh K. Ông L và bà H đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ và không có khiếu nại hay tranh chấp. Do gia đình có nhiều nhân khẩu, chỗ ở chật chội nên ông L và bà H cho ông T 01 phần đất có diện tích 99m². Tháng 06/2018, ông T tiến hành xây nhà cấp 4 trên diện tích đất được ông L và bà H cho ông, việc xây dựng là trái phép, nhưng không lấn, chiếm đất của Công ty Cổ phần V.

Ngày 12/6/2018, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường V cử cán bộ đến lập biên bản vi phạm hành chính với lý do “Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H thuộc tổ 19 T, phường V, thành phố N”. Ngày 20/6/2018, ông T nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 của Chủ tịch UBND phường V đối với ông, tiền phạt là 2.000.000 đồng và buộc khắc phục lại tình trạng ban đầu. Ông T cho rằng việc xử phạt nêu trên là không đúng, vì:

- Ông hoàn toàn không lấn, chiếm đất nông nghiệp như Biên bản vi phạm hành chính ngày 12/6/2018 của UBND phường V. Nguồn gốc đất ông xây nhà cấp 4 là của cha, mẹ cho ông, ông không lấn, chiếm đất của ai.

- Khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “phải ghi lời khai của người vi phạm và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hành chính” nhưng trong biên bản vi phạm hành chính lập ngày 12/6/2018 không ghi lời trình bày, lời khai của ông.

- Khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Biên bản vi phạm hành chính phải lập thành ít nhất 02 bản, phải được người vi phạm ký. Trường hợp người vi phạm từ chối không ký, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản, nhưng khi đọc lại biên bản cho ông nghe, không thấy ghi ý kiến giải trình của ông, bởi biên bản ghi ông chiếm đất nông nghiệp là hoàn toàn không đúng thực tế.

- Điểm 2 khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân vi phạm hành chính 01 bản, nhưng ông không nhận được biên bản vi phạm hành chính ngay sau khi lập biên bản. Ngày 21/6/2018, ông T lên UBND phường V xin nhận biên bản vi phạm hành chính lập ngày 12/6/2018, cán bộ địa chính phường không cho và đưa ra lý do nếu đồng ý ký vào biên bản thì mới được nhận biên bản, không ký thì không giao biên bản. Rõ ràng UBND phường V đã vi phạm pháp luật theo quy định nêu trên.

Ngày 21/8/2018, Chủ tịch UBND phường V ra Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP đối với ông, buộc dỡ bỏ nhà cửa để trả lại đất do chiếm đất. Mặc dù ông đã đề nghị UBND phường V tạm hoãn thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, nhưng không được UBND phường V chấp nhận. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V là hoàn toàn không đúng pháp luật, nên ông T yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2018, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V.

** Tại Văn bản số 226/UBND ngày 05/10/2018 và quá trình tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND phường V – ông Lê Hàng Nhật T trình bày:*

Năm 1990, UBND tỉnh K có quyết định thu hồi 10.799 ha đất và giao cho UBND thành phố N quản lý, sau đó, UBND thành phố N giao cho UBND phường V quản lý, sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Năm 1994, thực hiện Nghị định 64-CP của Chính phủ, UBND phường V được UBND thành phố N phê duyệt thực hiện việc cân đối giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng canh tác ổn định, lâu dài. Trên cơ sở đó, UBND phường V tiến hành giao đất cho các cá nhân diện tích đất nêu trên gồm: ông Nguyễn L diện tích 3.569m², ông Trần Tấn Đương diện tích 1.200m², ông Long Dĩ diện tích 570m², phần diện tích còn lại UBND phường V quản lý, sử dụng. Sau đó, ông Nguyễn L tiếp tục lấn chiếm luôn phần đất của những người được giao nêu trên và phát sinh tranh chấp.

Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết tranh chấp giữa các bên và đã ban hành Quyết định số: 4195/QĐ-UBND ngày 01/10/2002 (kèm theo bản đồ vị trí) về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các ông Trần Tấn Đ, Lương D với ông Nguyễn L. Kết quả quyết định kèm theo bản đồ giao cho ông Trần Tấn Đương 1.200m², ông Long Dĩ 570m², ông Nguyễn L 3.569m², UBND phường V 3.538m². Không đồng ý với quyết định giải quyết của UBND thành phố N, ông Nguyễn L đã khiếu nại Quyết định số: 4195/QĐ-UBND ngày 03/10/2002 của UBND thành phố N đến UBND tỉnh K giải quyết. UBND tỉnh K đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2545/QĐ-UBND ngày 11/3/2003 bác khiếu nại của ông L và công nhận Quyết định số: 4195/QĐ-UBND ngày 03/10/2002 của UBND thành phố N. Ông Nguyễn L tiếp tục khiếu nại đến Bộ Tài nguyên – Môi trường, Bộ Tài nguyên – Môi trường thẩm tra, xác minh và có văn bản trả lời số: 902/BTNMT-TTR ngày 29/3/2004 với nội dung công nhận Quyết định số: 2545/QĐ-UBND ngày 11/8/2003 của UBND tỉnh K.

Ngày 12/4/2004, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 822/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân nằm trong khu dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H, phần diện tích đất của các ông Đ, ông D, ông L và UBND phường

V đều bị thu hồi. Phần diện tích của gia đình ông Nguyễn L 3.569m² đã nhận tiền bồi thường là 410.921.760 đồng (theo phiếu chi số 007/016 quyển số 01 ngày 19/01/2006) và đã bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần K ngày 19/01/2006.

Như vậy, ông Nguyễn T xây nhà trên phần diện tích đất đã có quyết định thu hồi, đã hoàn thành công tác bồi thường, đền bù, giao mặt bằng và giải tỏa giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần V thực hiện dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H. Hành vi của ông T là vi phạm khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch UBND phường V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ- CCXP ngày 21/8/2018 đối với ông Nguyễn T là đúng quy định pháp luật nên Chủ tịch UBND phường V giữ nguyên các quyết định nêu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần V và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Xuân T trình bày:*

Căn nhà của ông Nguyễn T xây dựng trái phép trong ranh giới khu đất đã hoàn thành công tác bồi thường giải tỏa, đã nhận tiền và giao mặt bằng, được UBND tỉnh K giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần V tại Quyết định số: 2230/QĐ-UBND ngày 06/12/2007 để xây dựng Khu dân cư Nam Vĩnh H. Công ty Cổ phần V thống nhất với ý kiến, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ- CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V đối với ông Nguyễn T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 60, Điều 67, Điều 115, Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 28, 38, 57, 58, 66, 67, 68, 85 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 208 Luật đất đai; Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ- CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N “Tạm đình chỉ việc thi hành Quyết định số 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/11/2018 và 28/11/2018, ông Nguyễn T có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn T giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên toàn bộ ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm; ông T cho rằng, ông cất nhà trên diện tích đất được cha, mẹ ông (ông Nguyễn L và bà Bùi Thị H) cho năm 2000, ông không lấn, chiếm đất của ai. UBND phường V chỉ có thể xử phạt hành chính về hành vi xây nhà mà chưa có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không được lập biên bản và xử phạt về hành vi chiếm đất.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà cho là: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng đã được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung, Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quyền sử dụng đất: Ngày 12/4/2004, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân nằm trong khu dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H, phần diện tích đất của gia đình ông Nguyễn L bị thu hồi là 3.569m², ông Nguyễn L đã nhận tiền bồi thường là 410.921.760 đồng (theo phiếu chi số 007/016 quyền số 01 ngày 19/01/2006) và đã bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần K ngày 19/01/2006. Ngày 06/12/2007, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 2230/QĐ-UBND giao đất cho Công ty Cổ phần V để xây dựng Khu dân cư Nam Vĩnh H. Ông Nguyễn T cho rằng, đất ông xây nhà là của cha, mẹ ông là ông Nguyễn L và bà Bùi Thị H cho, nhưng đất đã được Nhà nước thu hồi, ông L đã nhận tiền và bàn giao đất;

đồng thời, ông T không có giấy tờ hợp pháp chứng minh cho quyền sử dụng đất của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất trên (bao gồm cả phần ông T xây nhà) thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Cổ phần V.

[2.2] Về hành vi vi phạm của ông Nguyễn T: Tháng 06/2018, ông Nguyễn T xây nhà trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Cổ phần V như đã nhận định tại phần [2.1]. Ngày 12/6/2018, tổ công tác của UBND phường V tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn T đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại dự án Khu dân cư Nam Vĩnh H, tổ 19 T, phường V, hiện trạng: Nhà 01 tầng, tường gạch, mái lợp tôn; diện tích xây dựng $6,6m \times 15m = 99m^2$. Như vậy, hành vi của ông Nguyễn T được coi là chiếm đất quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

[2.3] Về xử lý vi phạm đối với ông Nguyễn T:

Ngày 12/6/2018, tổ công tác của UBND phường V đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn T, ông T có mặt nhưng không ký vào biên bản vi phạm hành chính nên tổ công tác đã lập biên bản sự việc. Cả 02 biên bản đều có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương và hai người chứng kiến theo đúng quy định của khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính ngày 12/6/2018, ngày 15/6/2018, Chủ tịch UBND phường V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn T là đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền và đúng pháp luật.

Do ông Nguyễn T không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018, nên ngày 21/8/2018, Chủ tịch UBND phường V ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP đối với ông Nguyễn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V là có căn cứ, đúng pháp luật, căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn, nên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ, cơ sở khẳng định Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn T không có căn cứ để chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn T không được chấp nhận nên ông Nguyễn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 67, Điều 74, khoản 4 Điều 225, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 208 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 28, 38, 57, 58, 66, 67, 68, 85 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Điều 32 và Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 15/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V đối với ông Nguyễn T.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N “Tạm đình chỉ việc thi hành Quyết định số: 263/QĐ-CCXP ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND phường V về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0009659 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0010360 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh K;
- VKSND thành phố N;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THA DS thành phố N;
- Chủ tịch UBND thành phố N;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Tuấn